

VIỆN KSND TỐI CAO
VIỆN KSND TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1257 /VKS-VP

V/v triển khai Kế hoạch thực hiện “Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong ngành Kiểm sát nhân dân”

Lạng Sơn, ngày 23 tháng 9 năm 2022

Kính gửi:

- Đồng chí Viện trưởng VKSND các huyện, thành phố;
- Các đồng chí Trưởng phòng Viện tỉnh.

Thực hiện Công văn số 3306/VKSTC-C2 ngày 12/9/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc triển khai Kế hoạch thực hiện “Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong ngành Kiểm sát nhân dân”. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đề nghị các đơn vị thực hiện như sau:

1. Truy cập trang thông tin điện tử Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tải văn bản để triển khai, thực hiện.

2. Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và Cục 2 Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

Nhận được công văn này, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đề nghị đồng chí Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân các huyện, thành phố; các đồng chí Trưởng phòng Viện tỉnh nghiêm túc triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đ/c lãnh đạo Viện;
- Lưu: VT./.

TL. VIỆN TRƯỞNG
CHÁNH VĂN PHÒNG



Phạm Đăng Bằng

**VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỐI CAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3306/VKSTC-C2

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2022

V/v triển khai Kế hoạch thực hiện “Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong ngành Kiểm sát nhân dân”.

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN T. LANG SON

ĐẾN Số: 12018

Ngày: 13/9/2022

Chuyển.....

Số và ký hiệu HS:.....

Kính gửi:

- Các đơn vị thuộc VKSND tối cao;
- Viện kiểm sát quân sự Trung ương;
- Các VKSND cấp cao;
- VKSND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thực hiện Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 01/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 ban hành kèm theo Quyết định số 1271/QĐ-BKHĐT ngày 05/7/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Viện kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo như sau:

1. Triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện “Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong ngành Kiểm sát nhân dân” (Gửi kèm theo Công văn này).

Yêu cầu các đơn vị thuộc VKSND tối cao, Viện kiểm sát quân sự Trung ương và VKSND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp chặt chẽ với Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin (Cục 2) trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

2. Cục 2 có trách nhiệm theo dõi, quản lý, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch; chủ động tham mưu cho Lãnh đạo VKSND tối cao chỉ đạo nghiên cứu, đổi mới Chế độ Thống kê của ngành Kiểm sát nhân dân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới và phù hợp với Chiến lược phát triển thống kê quốc gia./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Viện trưởng VKSND tối cao (để b/c);
- Các Đ/c Phó Viện trưởng VKSND tối cao;
- Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, C2.

**KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG**



Nguyễn Duy Giảng

**VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN
TỐI CAO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 149 /KH-VKSTC

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH

**Thực hiện "Chiến lược phát triển thống kê Việt Nam
giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong ngành Kiểm sát nhân dân"**

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|-------|--|-------|----------------------|---|---------------------|----------------------|--|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| I | CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP | | | | | | |
| 1 | Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực | 01 | | | | | |
| 1.1 | Hoàn thiện thể chế | 011 | | | | | |
| 1.1.1 | Xây dựng, sửa đổi, bổ sung Hệ thống chỉ tiêu thống kê, các Chế độ báo cáo thống kê để phù hợp với Luật Thống kê và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê sửa đổi, bổ sung. | 01126 | Cục 2, VKSND tối cao | Các đơn vị thuộc VKSND tối cao, các VKS cấp cao, VKS địa phương | 2023 | 2025 | Quyết định của Viện trưởng VKSND tối cao. |
| 1.1.2 | Triển khai thực hiện Hệ thống chỉ tiêu thống kê, các Chế độ báo cáo thống kê sửa đổi, bổ sung. | 01128 | Cục 2, VKSND tối cao | Các đơn vị thuộc VKSND tối cao, các VKS cấp cao, VKS địa phương | 2023 | 2030 | Hệ thống chỉ tiêu thống kê, các Chế độ báo cáo thống kê được triển khai, áp dụng thống nhất. |

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|-------|---|-------|----------------------|--|---------------------|----------------------|--|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 1.2 | Đổi mới và hoàn thiện mô hình tổ chức. | 012 | | | | | |
| 1.2.1 | Sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin số 19/QĐ-VKSTC-C2 ngày 20/11/2015. | 0121 | Cục 2, VKSND tối cao | Vụ 15, VKSND tối cao | 2024 | 2025 | Quyết định của Viện trưởng VKSND tối cao. |
| 1.2.2 | Kiểm toàn mô hình tổ chức theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin sửa đổi. | 0122 | Cục 2, VKSND tối cao | Vụ 15, VKSND tối cao | 2025 | 2026 | Quyết định của Viện trưởng VKSND tối cao. |
| 1.3 | Phát triển nguồn nhân lực | 013 | | | | | |
| 1.3.1 | Kiểm toàn các chức danh Lãnh đạo và bổ sung nguồn nhân lực cho Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin. | 0131 | Cục 2, VKSND tối cao | Vụ 15, VKSND tối cao | 2026 | Hàng năm | Quyết định của Viện trưởng VKSND tối cao. |
| 1.4 | Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng. | 014 | | | | | |
| 1.4.1 | Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho công chức, viên chức thuộc hệ thống thống kê Ngành. | 0142 | Cục 2, VKSND tối cao | Vụ 15, VKSND tối cao; Trường ĐH Kiểm sát và Trường bồi dưỡng nghiệp vụ Kiểm sát. | 2023 | Hàng năm | <ul style="list-style-type: none"> - Chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ được ban hành; - Đổi mới hình thức đào tạo bồi dưỡng (từ xa, trực tuyến); - Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng; - Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng. |

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|-------|--|-------|----------------------|---|---------------------|----------------------|--|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 1.4.2 | Đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về phân tích thống kê. | 0143 | Cục 2, VKSND tối cao | Vụ 15, VKSND tối cao; Trường ĐH Kiểm sát; Trường bồi dưỡng nghiệp vụ Kiểm sát; Tổng cục Thống kê. | 2023 | Hàng năm | - Chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ được ban hành; - Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng; - Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng. |
| 1.4.3 | Hợp tác, liên kết trong công tác đào tạo, bồi dưỡng. | 0146 | Cục 2, VKSND tối cao | Vụ 15, VKSND tối cao; Trường ĐH Kiểm sát; Trường bồi dưỡng nghiệp vụ Kiểm sát; Tổng cục Thống kê. | 2023 | Hàng năm | - Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng; - Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng. |
| 2 | Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê. | 02 | | | | | |
| 2.1 | Xây dựng, hoàn thiện và ban hành đồng bộ các tiêu chuẩn thống kê. | 021 | | | | | Khung tiêu chuẩn chung. |
| 2.1.1 | Nghiên cứu xây dựng khung chung về tiêu chuẩn thống kê phù hợp với Ngành KSND. | 0211 | Cục 2, VKSND tối cao | Các đơn vị thuộc VKSND tối cao, các VKS cấp cao, VKS địa phương | 2023 | 2025 | Quyết định của Viện trưởng VKSND tối cao. |
| 2.2 | Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê. | 022 | | | | | |

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|-------|---|-------|----------------------|---|---------------------|----------------------|--|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 2.2.1 | Biên soạn tài liệu hướng dẫn các tiêu chuẩn thống kê. | 0221 | Cục 2, VKSND tối cao | Các đơn vị thuộc VKSND tối cao, các VKS cấp cao, VKS địa phương | 2026 | 2026 | Tài liệu hướng dẫn các tiêu chuẩn thống kê được ban hành. |
| 2.2.2 | Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê. | 0223 | Cục 2, VKSND tối cao | Các đơn vị thuộc VKSND tối cao, các VKS cấp cao, VKS địa phương | 2026 | 2030 | Tiêu chuẩn thống kê được triển khai áp dụng thống nhất. |
| 2.3 | Xây dựng, hoàn thiện và ban hành đồng bộ các quy trình sản xuất thông tin thống kê. | 023 | Cục 2, VKSND tối cao | Các đơn vị thuộc VKSND tối cao, các VKS cấp cao, VKS địa phương | 2023 | 2023 | Quyết định của Viện trưởng, VKSND tối cao. |
| 2.4 | Triển khai áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê. | 024 | Cục 2, VKSND tối cao | Các đơn vị thuộc VKSND tối cao, các VKS cấp cao, VKS địa phương | 2024 | 2025 | Các quy trình sản xuất thông tin thống kê được triển khai áp dụng thống nhất |
| 3 | Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu. | 03 | | | | | |
| 3.1 | Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu | 031 | | | | | |
| 3.1.1 | Tăng cường áp dụng phương pháp luận tiên tiến, hiện đại; đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê. | 03111 | Cục 2, VKSND tối cao | Các đơn vị thuộc VKSND tối cao, các VKS cấp cao, VKS địa phương | 2023 | 2030 | Các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ tất cả các bước thu thập, giám sát và xử lý thông tin thống kê. |

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|-------|---|-------|----------------------|--|---------------------|----------------------|--|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 3.2 | Hiện đại hóa hoạt động quản trị dữ liệu. | 032 | | | | | |
| 3.2.1 | Xây dựng và triển khai Đề án Xây dựng Cơ sở dữ liệu thống kê ngành Kiểm sát. | 03222 | Cục 2, VKSND tối cao | Các đơn vị thuộc VKSND tối cao, các VKS cấp cao, VKS địa phương | 2023 | 2030 | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo khảo sát, đánh giá thực trạng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thống kê tại các đơn vị thuộc VKSND tối cao, các VKS cấp cao, VKS địa phương; - Báo cáo đánh giá, xác định phạm vi, nội dung dữ liệu quản lý tập trung trong hệ thống thống kê ngành KS; - Quyết định của Viện trưởng phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê Ngành KS; - Kế hoạch triển khai Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê. |
| 3.2.2 | Xây dựng Trung tâm dữ liệu thống kê. | 0323 | Cục 2, VKSND tối cao | Văn phòng, Cục 3 VKSNDTC | 2022 | 2025 | Hình thành và vận hành cơ sở dữ liệu thống kê tập trung, thống nhất |
| 3.2.3 | Xây dựng cơ chế cung cấp, khai thác, chia sẻ dữ liệu thống kê của Trung tâm dữ liệu | 0324 | Cục 2, VKSND tối cao | Các đơn vị thuộc Viện KSND tối cao, Các VKS cấp cao, VKS địa phương. | | | <ul style="list-style-type: none"> - Quy chế, quy định cung cấp dữ liệu thống kê; - Quy chế, quy định khai thác, chia sẻ dữ liệu. |

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|-----|---|-------|----------------------|--|---------------------|----------------------|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 4 | Đổi mới hoạt động phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê. | 04 | | | | | |
| 4.1 | Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống kê của Ngành. | 041 | Cục 2, VKSND tối cao | Các đơn vị thuộc VKSND tối cao, các VKS cấp cao, VKS địa phương. | 2023 | Hàng năm | Xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống kê. |
| 4.2 | Nâng cao chất lượng hoạt động phân tích và dự báo thống kê. | 042 | Cục 2, VKSND tối cao | Các đơn vị thuộc VKSND tối cao, các VKS cấp cao, VKS địa phương. | 2023 | Hàng năm | Xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống kê. |
| 4.3 | Đổi mới hoạt động biên soạn thông tin thống kê. | 043 | Cục 2, VKSND tối cao | Các đơn vị thuộc VKSND tối cao, các VKS cấp cao, VKS địa phương. | 2023 | Hàng năm | Thông tin thống kê được trình bày đa dạng (biểu đồ, đồ thị phân tích, âm thanh, hình ảnh,...) dưới dạng số, truy cập thuận lợi qua các thiết bị thông minh. |
| 4.4 | Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê. | 044 | Cục 2, VKSND tối cao | Các đơn vị thuộc VKSND tối cao, các VKS cấp cao, VKS địa phương | 2023 | Hàng năm | Hình thức, nội dung công bố cung cấp và phổ biến thông tin thống kê được đa dạng hóa. |

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|-----|--|-------|----------------------|--|---------------------|----------------------|--|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 4.3 | Đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức vai trò, tầm quan trọng của thống kê. | 045 | Cục 2, VKSND tối cao | Các đơn vị thuộc VKSND tối cao, các VKS cấp cao, VKS địa phương. | Hàng năm | Hàng năm | <ul style="list-style-type: none"> - Kế hoạch tuyên truyền; - Tài liệu tuyên truyền; - Các bài viết trên báo in, báo điện tử; - Các phóng sự, chuyên đề trên truyền hình Kiểm sát nhân dân. |
| 5 | Đẩy nhanh tư liệu hóa, chuyển đổi số trong công tác thống kê | 05 | | | | | |
| 5.1 | Nghiên cứu, đề xuất xây dựng sửa đổi quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để bảo đảm thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê. | 051 | Cục 2, VKSND tối cao | Văn phòng, Cục 3, Vụ 14 VKSND tối cao. | 2023 | 2030 | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng kết, đánh giá các quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để bảo đảm thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê; - Quyết định của Viện trưởng phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong hệ thống thống kê ngành Kiểm sát; - Kế hoạch triển khai Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia (trách nhiệm Ngành). |
| 5.2 | Xây dựng cơ sở hạ tầng tạo nền tảng chuyển đổi số trong công tác thống kê | 052 | | | | | |

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|-------|---|-------|----------------------|--|---------------------|----------------------|--|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 5.2.1 | Xây dựng cơ sở hạ tầng tạo nền tảng chuyển đổi số. | 0521 | Cục 2, VKSND tối cao | Các đơn vị thuộc VKSND tối cao, Các VKS cấp cao, VKS địa phương | 2022 | 2030 | <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin tại 1 thống kê ngành - Báo cáo đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin tại các đơn vị thuộc VKSTC, các VKS cấp cao, VKS địa phương phục vụ công tác thống kê; - Báo cáo đánh giá về các nền tảng số phục vụ thu thập thông tin thống kê. |
| 5.3 | Tư liệu hóa công tác thống kê. | 053 | | | | | |
| 5.3.1 | Chuẩn hóa, số hóa, lưu trữ và quản lý trên không gian mạng. | 0532 | Cục 2, VKSND tối cao | Các đơn vị thuộc VKSND tối cao, các VKS cấp cao, VKS địa phương. | 2022 | 2030 | <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình hoạt động thống kê được chuẩn hóa; - Cơ sở dữ liệu về các tài liệu được số hóa; - Sách điện tử. |
| 6 | Tăng cường hoạt động hợp tác quốc tế trong công tác thống kê | 06 | | | | | |
| 6.1 | Đẩy mạnh việc hợp tác thu thập, biên soạn, phổ biến thông tin thống kê. | 062 | Cục 2, VKSND tối cao | Các đơn vị thuộc VKSND tối cao, các VKS cấp cao, VKS địa phương | 2022 | 2030 | <ul style="list-style-type: none"> - Các tài liệu về thông kê được biên soạn và phổ biến/cung cấp kịp thời; - Số lượng chương trình hợp tác được cung cấp thông tin thống kê của Ngành. |

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|-------|--|-------|----------------------|--|---------------------|----------------------|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 6.2 | Nâng cao trình độ, năng lực cho công chức, viên chức làm công tác thống kê. | 063 | Cục 2, VKSND tối cao | Vụ 13, Văn phòng VKSND tối cao | 2022 | 2030 | Số lượng công chức, viên chức được cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn công tác thống kê. |
| 7 | Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo. | 07 | | | | | |
| 7.1 | Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học. | 071 | | | | | |
| 7.1.1 | Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng phương pháp luận, chuẩn mực, quy trình thống kê tiên tiến. | 0711 | Cục 2, VKSND tối cao | Các đơn vị thuộc VKSND tối cao, các VKS cấp cao, VKS địa phương. | 2023 | 2030 | Số lượng đề tài/chuyên đề về phương pháp luận, chuẩn mực, quy trình thống kê tiên tiến được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê. |
| 7.2 | Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo. | 072 | | | | | |
| 7.2.1 | Mở rộng các hoạt động hợp tác. | 0721 | Cục 2, VKSND tối cao | Bộ, ngành | 2022 | 2030 | - Số lượng các hội thảo khoa học được tổ chức; - Số lượng các hoạt động hợp tác, liên kết trong nghiên cứu. |
| 8 | Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra thống kê. | 08 | | | | | |

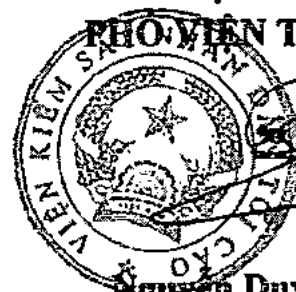
| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|-------|--|-------|----------------------|---|---------------------|----------------------|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 8.1 | Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc tuân thủ Luật Thống kê, Chế độ báo cáo thống kê của các đơn vị thuộc VKSND tối cao, các VKS cấp cao, VKS địa phương. | 081 | Cục 2, VKSND tối cao | | Hàng năm | Hàng năm | - Báo cáo kết quả thanh tra kiểm tra; - Kết luận thanh tra; - Thông báo kết quả kiểm tra. |
| 9 | Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê. | 09 | | | | | |
| 9.1 | Bảo đảm kinh phí thực hiện Chiến lược phát triển thống kê giai đoạn 2021-2030. | 091 | | | | | |
| 9.1.1 | Dự toán kinh phí thực hiện Chiến lược phát triển thống kê. | 0911 | Cục 2, VKSND tối cao | Văn phòng, Cục 3 VKSND tối cao | Hàng năm | Hàng năm | Dự toán kinh phí thực hiện Chiến lược phát triển thống kê hàng năm được phê duyệt. |
| 9.1.2 | Huy động nguồn vốn hợp pháp khác bổ sung kinh phí cho hoạt động thống kê nhà nước. | 0913 | Cục 2, VKSND tối cao | Các đơn vị thuộc VKSND tối cao, các VKS cấp cao, VKS địa phương | Hàng năm | Hàng năm | Kinh phí thực hiện Chiến lược phát triển thống kê từ các nguồn khác được huy động và phê duyệt để thực hiện Chiến lược. |
| 9.2 | Tập trung xây dựng và phát triển hạ tầng số, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong công tác thống kê. | 092 | Cục 2, VKSND tối cao | Văn phòng, Cục 3 VKSND tối cao | 2022 | 2030 | Dự toán kinh phí hàng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được phê duyệt. |

| STT | Nội dung công việc | Mã số | Cơ quan thực hiện | | Thời gian thực hiện | | Sản phẩm |
|-----|---|-------|----------------------|--------------------------------|---------------------|----------------------|---|
| | | | Chủ trì | Phối hợp | Thời gian bắt đầu | Thời gian hoàn thành | |
| (A) | (B) | (C) | (D) | (E) | (F) | (G) | (H) |
| 9.3 | Xây dựng Trung tâm dữ liệu thông kê tập trung từ nguồn vốn đầu tư công. | 093 | Cục 2, VKSND tối cao | Văn phòng, Cục 3 VKSND tối cao | 2023 | 2030 | Dự toán kinh phí hàng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được phê duyệt. |
| 9.4 | Hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê. | 094 | Cục 2, VKSND tối cao | Văn phòng, Cục 3 VKSND tối cao | 2024 | 2030 | Dự toán kinh phí hàng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được phê duyệt; phương tiện và trang thiết bị làm việc của Ngành được tăng cường. |

Nơi nhận:

- Đ/c Viện trưởng VKSND tối cao (để b/c);
- Các Đ/c Phó Viện trưởng VKSND tối cao;
- Các đơn vị thuộc VKSND tối cao;
- Viện kiểm sát quân sự Trung ương;
- VKSND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, Cục 2.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Duy Giảng